

Số: 2100/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch
sử dụng đất năm 2020 của huyện Phong Điền

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và Văn bản số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung các công trình, dự án cần thu hồi đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh năm 2020;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 362/TTr-STNMT-QLĐĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Phong Điền với các nội dung như sau:

Bổ sung 11 công trình, dự án với tổng diện tích là 41,78 ha; Trong đó diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 9,99 ha.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố, công khai các nội dung bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

2. Thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai theo kế hoạch sử dụng đất huyện Phong Điền được phê duyệt.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NĐ, ĐC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thiên Định

BỔ SUNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020
 (Kèm theo Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Loại đất hiện trạng
1	Nhà lưu niệm Nguyễn Lộ Trạch	Xã Diên Môn	0.09	- Đất ở tại nông thôn
2	Phục dựng di tích Nhà Đại chúng thuộc khu di tích chiến khu Hòa Mỹ	Xã Phong Mỹ	0.15	- Đất tín ngưỡng
3	Giải phóng mặt bằng quy hoạch đất ở dọc tuyến đường nội thị DD6 và phía Bắc Tỉnh lộ 9 thị trấn Phong Điền (tổng diện tích 5,0 ha, đã thực hiện 4,8 ha)	Thị trấn Phong Điền	0.20	- Đất bằng trồng cây hàng năm khác 0,08 ha; - Đất trồng cây lâu năm 0,12 ha.
4	Hạ tầng khu dân cư xen ghép Tân Bình	Xã Phong Bình	0.64	- Đất trồng lúa
5	Nạo vét hồi phục vụ du lịch làng cổ Phước Tích	Xã Phong Hòa	0.60	- Đất có mặt nước chuyên dùng 0,20 ha; - Đất trồng cây hàng năm 0,05 ha; - Đất giao thông 0,11 ha; - Đất trồng cây lâu năm 0,03 ha; - Đất làm nghĩa trang nghĩa địa 0,03 ha; - Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,04 ha; - Đất bằng chưa sử dụng 0,05 ha; - Đất thủy lợi 0,09 ha.
6	Hạ tầng thượng nguồn sông Ô Lâu	Xã Phong Mỹ	0.50	- Đất rừng sản xuất 0,20 ha; - Đất trồng cây lâu năm 0,10 ha; - Đất trồng cây hàng năm 0,15 ha; - Đất giao thông 0,05 ha.
7	Khu dân cư thôn Giáp Nam (cạnh cây xăng Diên Lộc)	Xã Diên Lộc	1.00	- Đất trồng lúa
8	Đầu tư khai thác mỏ đá vôi - giai đoạn 2	Xã Phong Xuân	35.00	- Đất trồng lúa 7,0 ha; - Đất bằng trồng cây hàng năm khác 4,69 ha; - Đất trồng cây lâu năm 15,95 ha; - Đất nuôi trồng thủy sản 0,30 ha; - Đất ở tại nông thôn 0,24 ha; - Đất giao thông 1,38 ha; - Đất thủy lợi 0,02 ha; - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa 0,42 ha; - Đất có mặt nước chuyên dùng 4,58 ha; - Đất bằng chưa sử dụng 0,42 ha.
9	Khu dân cư trung tâm xã Diên Hải	Xã Diên Hải	0.40	- Đất trồng lúa
10	Khu dân cư trung tâm xã Diên Hòa (giai đoạn 2)	Xã Diên Hòa	0.70	- Đất trồng lúa
11	Khu dân cư Xạ Biêu (giai đoạn 2)	Thị trấn Phong Điền	2.50	- Đất trồng lúa 0,25 ha; - Đất trồng cây lâu năm 0,266; - Đất bằng trồng cây hàng năm khác 1,932 ha; - Đất thủy lợi 0,05 ha; - Đất nghĩa trang, nghĩa địa 0,002.
TỔNG CỘNG			41.78	